

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY.

CHỦ SỞ HỮU: UBND TỈNH NAM ĐỊNH

Kỳ báo cáo: Năm 2020

1. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CỦA CÔNG TY

1.1 – Chi tiết đánh giá tình hình Công ty.

a. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy có hoạt động sản xuất chính đặc thù trong lĩnh vực thủy nông, sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu của công ty là diện tích tưới, tiêu mà công ty phục vụ cho địa bàn mình quản lý. Hoạt động sản xuất phụ là nhận thầu thi công xây lắp các công trình xây dựng cơ bản.

- Diện tích tưới, tiêu công ty thực hiện năm 2020 là: 49.625,3 ha bằng 100% so với kế hoạch và bằng 100% so với năm 2019.

- Về doanh thu thực hiện năm 2020 là: 60.599 triệu đồng, đạt 110% so với kế hoạch năm. Giảm so với năm 2018 là: 16.564 triệu đồng tương ứng giảm 21%. Giảm so với năm 2019 là 10.967 triệu đồng, tương ứng với giảm 15%. (Doanh thu giảm là doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh phụ và doanh thu hoạt động tài chính). Doanh thu dịch vụ công ích thủy lợi của đơn vị tương đối ổn định vì được tính quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 4/5/2019 của UBND tỉnh Nam Định.

- Về lợi nhuận kế toán sau thuế thực hiện năm 2020 là: 519 triệu đồng, bằng 108% kế hoạch năm, bằng 56% so với thực hiện năm 2018 và 47% so với thực hiện năm 2019. Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất chính và sản xuất kinh doanh phụ, đảm bảo việc làm và thu nhập của cán bộ công nhân viên, hiệu quả sản xuất kinh doanh có lợi nhuận.

b. Tình hình tài chính của Doanh nghiệp

- Về khả năng sinh lời: Đơn vị có tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) là: 0,0614%, như vậy cứ 100 đồng tài sản sẽ tạo ra được 0,0614 đồng lợi nhuận sau thuế. Có tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) là: 0,062%, như vậy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra được 0,062 đồng lợi nhuận sau thuế.

- Về khả năng thanh toán: Công ty có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là: 2,39 lần, hệ số này cho thấy khả năng thanh khoản của công ty là rất tốt đảm bảo an toàn về tài chính.

- Công ty có hệ số VCSH/Tổng tài sản là: 0,99. Như vậy tài sản của công ty được hình thành từ 99% từ nguồn vốn chủ sở hữu, phù hợp với cơ cấu tài sản nguồn vốn của công ty nhà nước hoạt động trong lĩnh vực công ích.

c. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

- Công ty không có hoạt động đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh và công ty cũng không có hoạt động huy động vốn.

- Vốn chủ sở hữu của năm báo cáo là: 838.309 triệu đồng, tăng so với năm 2019 là: 8.688 triệu đồng tương ứng tăng 0,01%

- Tổng tài sản của năm báo cáo là: 844.712 triệu đồng, tăng so với năm trước là: 880 triệu đồng tương ứng 0,01%

- Công nợ phải thu của năm báo cáo là: 4.063 triệu, không có nợ khó đòi.
- Công nợ phải trả của kỳ báo cáo là: 6.402 triệu đồng, không có nợ quá hạn.
- d. Tình hình chấp hành chế độ chính sách
 - Trong năm 2020 doanh nghiệp tuân thủ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước.
 - Doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.
 - Doanh nghiệp không bị lập biên bản vi phạm hành chính nào liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật của nhà nước.
- đ. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích
 - Chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm là: 54.451 triệu đồng, bằng 99,44% so với năm trước và bằng 100% so với kế hoạch năm 2020.
 - Về doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm là: 54.451 triệu đồng, bằng 99,44% so với năm trước và bằng 100% so với kế hoạch năm.

e. Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đó của các cơ quan nhà nước:

Công ty đã thực hiện các kiến nghị của thanh tra Sở tài chính tại Kết luận số 349/KL-STC ngày 31/3/2020 về việc chấp hành pháp luật tài chính doanh nghiệp trong năm 2019.

1.2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Năm 2020 tình hình sản xuất kinh doanh của công ty còn gặp những khó khăn như: Giá cả yếu tố đầu vào tăng theo cơ chế thị trường, hạn hán, xâm nhập mặn.... Nhưng công ty vẫn đảm bảo phục vụ tưới, tiêu tốt cho bà con nông dân. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích năm là: 54.451 triệu đồng. Công ty đảm bảo nhiệm vụ sản xuất chính, đồng thời duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh phụ tham gia nhận thầu thi công các công trình xây dựng cơ bản. Kết quả sản xuất kinh doanh có lãi, tăng thu cho ngân sách. Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, chấp hành đầy đủ pháp luật và các quy định của nhà nước.

2. KẾT LUẬN CỦA CÔNG TY

- Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty được duy trì ổn định, đảm bảo công tác an sinh xã hội, việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân viên
- Các chỉ tiêu tài chính của công ty tốt, đảm bảo an toàn về tài chính.
- Công ty đã chấp hành đầy đủ các chế độ, quy định, chính sách pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp – An toàn về tài chính ☒ – Mất an toàn về tài chính ☐

Nam Định, ngày 5 tháng 5 năm 2021



Đặng Mạnh Dương

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ST T	Dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 31/12/2020			Giải ngân đến ngày 31/12/2019			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Ngân sách tỉnh	%	Vốn huy động	%		Bên cho vay	Thời hạn suấ t vay	Năm trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ hết ngày	Thực hiện đến hết ngày	Năm trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ hết ngày	Thực hiện đến hết ngày		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng công Ngô Đồng	Số 1430/QĐ- UBND,	46.843					Năm 2018- 2020					1.450	45.983		6.339	45.846	45.983

GHI CHÚ: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thực hiện dự án đầu tư.

quyền quản lý của DN.

Người lập



Nguyễn Thị Phương

Giao Thị Ngọc Bích 31/12/2021



Biểu 02C

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Thực hiện năm		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Năm 2018	Năm 2019	Kế hoạch năm
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[5]/[2]	[7]=[5]/[3]	[8]=[5]/[4]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu(ha)	50.840	49.625	49.625	49.625	98	100	100
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ	1.683	2.760	3.000	2.020	120	73	67
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.145	68.192	54.451	59.787	79	88	110
2. Giá vốn hàng bán	71.275	65.082	49.298	54.870	77	84	111
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.870	3.110	5.153	4.917	101	158	95
4. Doanh thu hoạt động tài chính	1.003	3.055	600	796	79	26	133
5. Chi phí tài chính	1						
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.712	4.770	5.158	5.115	109	107	99
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.160	1.395	595	598	52	43	101
9. Thu nhập khác	15	319	5	17		5	330
10. Chi phí khác	15	331		10			
11. Lợi nhuận khác	-	-12	5	7		(54)	130
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.160	1.383	600	605	52	44	101
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	232	284	120	86	37	30	72
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	929	1.099	480	519	56	47	108

Người lập

Nguyễn Thị Phương

Giao Thuyết ngày 5 tháng 5 năm 2021



Đặng Mạnh Dương

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm. (Ha)	49.625,3	49.625,3		
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	Không	Không		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?	Không	Không		
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (tr đồng)	54.451	54.451	100,00	99,44
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (tr đồng)	54.451	54.451	100,00	99,44

Người lập



Nguyễn Thị Phương

Giao Thuỷ ngày 17 tháng 5 năm 2021



Đặng Mạnh Dương

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ năm sau
1. Thuế	(515,5)	532,3	404,3	(387,6)
- Thuế GTGT	(626,28)	311,02	78,23	(393,49)
- Thuế TNDN	94,85	114,64	203,45	6,04
- Thuế Xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế đất	-	44,99	45,10	(0,11)
- Các khoản thuế khác				
- Thuế môn bài	-	3,0	3,0	-
- Thuế TNCN	15,91	58,65	74,56	-
2. Các khoản phải nộp khác				
- Phí, lệ phí				
- Các khoản phải nộp khác				
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				
Tổng cộng	(515,5)	532,3	404,3	(387,6)

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2020

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	302,99			302,99
2. Quỹ Khen thưởng	952,10		921,02	31,08
3. Quỹ phúc lợi	253,52	1.175,68	1.427,88	1,32
3. Quỹ thưởng VCQLDN				
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Người lập



Nguyễn Thị Phương

Giao Thủ, ngày 5 tháng 5 năm 2021



Đặng Mạnh Dương

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2020

Chi tiêu 1 (tr.đồng)			Chi tiêu 2						Chi tiêu 3				Chi tiêu 4	Chi tiêu 5	Xếp loại DN	
Doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng g)	Xếp loại		Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/Nợ NH (lần)				
55.056	60.599	A	480	519	829.621	838.309	0,058	0,062	A	15.305	6.402	2,391	-	A	Xếp loại A	Xếp loại A
																A

Giao Thủy ngày 5 tháng 5 năm 2021

Người lập

(Signature)

Nguyễn Thị Phương

Chữ đỏ:
 SDKD 09688472
 CHỦ GIỮ
 TỈNH
 MỘT THÀNH VIÊN
 KINH THƯƠNG CÔNG TRÍ
 THUỶ LỢI
 XÃ PHU THỦY
 H. GIAO THỦY - T. NAM ĐỊNH
 Đặng Mạnh Dương

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2020

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp	Xếp loại hoạt động Người quản lý Doanh nghiệp
		Kế hoạch (%)	Thực hiện (%)	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy	0,062	0,062	100	A	Thực hiện tốt	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Người lập



Nguyễn Thị Phương

Giao Thủy ngày 5 tháng 5 năm 2021



Đặng Mạnh Dương